

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế của cơ sở giáo dục đại học năm học 2019 - 2020
(Tính đến tháng 2 năm 2020)

B. Công khai thông tin về sinh viên tốt nghiệp và tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 01 năm ra trường

ST T	Khối ngành	Số sinh viên tốt nghiệp	Phân loại tốt nghiệp (%)				Tỷ lệ SV tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm ra trường (%)*
			Loại xuất sắc	Loại giỏi	Loại khá	Loại Trung bình	
	Tổng số						
1	Khối ngành I						
I	ĐH chính quy						
	Giáo dục Chính trị	1 (K44)	0%	0%	0%	100%	60%
		6 (K47)	0%	0%	17%	83%	
		20 (K48)	0%	5%	25%	70%	
		81 (K49)	0%	14%	63%	23%	
	Giáo dục Mầm non	2 (K46)	0%	0%	0%	100%	91%
		14 (K47)	0%	0%	7%	93%	
		13 (K48)	0%	8%	38%	54%	
		135 (K49)	2%	17%	60%	21%	
	Giáo dục Thể chất	2 (K46)	0%	0%	0%	100%	89%
		20 (K47)	0%	0%	10%	90%	
		26 (K48)	0%	0%	46%	54%	
		25 (K49)	0%	4%	68%	28%	
	Giáo dục Thể chất - Quốc phòng	3 (K46)	0%	0%	33%	67%	83%
		5 (K47)	0%	0%	40%	60%	
		20 (K48)	0%	0%	80%	20%	
	Giáo dục Tiểu học	1 (K46)	0%	0%	100%	0%	88%
		4 (K47)	0%	0%	25%	75%	



		16 (K48)	0%	0%	56%	44%	
		196 (K49)	4%	29%	55%	13%	
	Giáo dục Tiểu học - Tiếng Anh	1 (K48)	0%	0%	100%	0%	
	SP Tâm lý - Giáo dục	1 (K46)	0%	0%	0%	100%	91%
		1 (K47)	0%	0%	0%	100%	
		5(K48)	0%	0%	40%	60%	
		19 (K49)	0%	5%	74%	21%	
	Sư phạm Âm nhạc	2 (K47)	0%	0%	100%	0%	100%
		5 (K48)	0%	0%	100%	0%	
	Sư phạm Địa lý	1 (K46)	0%	0%	0%	100%	79%
		18 (K48)	0%	0%	33%	67%	
		109 (K49)	0%	22%	72%	6%	
	Sư phạm Hoá học	2 (K47)	0%	0%	100%	0%	96%
		24 (K48)	0%	0%	46%	54%	
		80 (K49)	0%	19%	73%	9%	
	Sư phạm Lịch sử	12 (K47)	0%	0%	0%	100%	71%
		20 (K48)	0%	5%	60%	35%	
		86 (K49)	0%	19%	67%	14%	
	Sư phạm Mỹ thuật	2 (K46)	0%	0%	0%	100%	100%
		2 (K48)	0%	0%	100%	0%	
	Sư phạm Ngữ văn	1 (K46)	0%	0%	100%	0%	94%
		21 (K47)	0%	0%	19%	81%	
		31 (K48)	0%	0%	55%	45%	
		178 (K49)	2%	15%	67%	16%	
	Sư phạm Văn - Địa	4 (K46)	0%	25%	50%	25%	
	Sư phạm Văn - Sử	3 (K47)	0%	0%	33%	67%	
		3 (K48)	0%	0%	33%	67%	
		3 (k47)	0%	0%	0%	100%	
		2 (K47)	0%	0%	100%	0%	
	Sư phạm Ngữ văn Chất lượng cao	4 (K48)	0%	25%	50%	25%	
	Sư phạm Sinh - Hoá	1(K47)	0%	0%	0%	100%	91%

		3 (K48)	0%	0%	33%	67%	
	Sư phạm Sinh - Kỹ thuật nông nghiệp	13 (K48)	0%	0%	46%	54%	
	Sư phạm Sinh học	1 (K45)	0%	0%	0%	100%	
		4 (K46)	0%	0%	0%	100%	
		11 (K47)	0%	0%	18%	82%	
		18 (K48)	0%	0%	44%	56%	
		42 (K49)	0%	26%	74%	0%	
	Sư phạm Sinh học chất lượng cao	5 (K48)	0%	20%	80%	0%	
	Sư phạm Tiếng Anh	30 (K49)	0%	23%	73%	3%	100%
	Sư phạm Tin học	3 (K48)	0%	0%	0%	100%	92%
		33 (K49)	0%	6%	64%	30%	
	Sư phạm Toán - Lý	1 (K47)	0%	0%	0%	100%	
	Sư phạm Toán học	2 (K45)	0%	0%	0%	100%	96%
		3 (K46)	0%	0%	0%	100%	
		20 (K47)	0%	0%	0%	100%	
		71 (K48)	0%	1%	32%	66%	
		146 (K49)	1%	12%	71%	15%	
	Sư phạm Vật lý	6 (K47)	0%	0%	17%	83%	93%
		29 (K48)	0%	0%	45%	55%	
		80 (K49)	0%	16%	64%	20%	

(*) Tỷ lệ SVTN có việc làm tính theo công thức: $((\text{SL SVTN có việc làm} + \text{SL SVTN chưa có việc làm nhưng đang học nâng cao}) / \text{tổng số SVTN được khảo sát có phản hồi}) * 100$

Ghi chú: Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm ra trường (%) * tính đến ngày 19/12/2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

Thuy
Nguyễn Thanh Nga

Thái Nguyên, ngày 6 tháng 02 năm 2020

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÁI NGUYÊN
Đinh
PGS.TS. MAI XUÂN TRƯỜNG